

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Hoà

- Ông Trần Hữu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Vĩ Khang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc D; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Võ Văn T; sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Chị D, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 tại xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T trong thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc bình thường nhưng khoảng từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 02 năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan

điểm dẫn đến sống chung thường hay cãi nhau, nguyên nhân là do anh Tấn H chơi không lo làm ăn, hay nhậu nhẹt bên ngoài rồi về nhà kiếm chuyện chửi bới đánh đập chị, chị sợ nên bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, do vậy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn mục đích. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Võ Kim K, sinh ngày 11-4-2005. Hiện con chung đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị D về quá trình sống chung và không đăng ký kết hôn cũng như việc anh và chị D phát sinh mâu thuẫn. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Võ Kim K, sinh ngày 11-4-2005. Hiện con chung đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị D và anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D, anh T.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình 2014, Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T.

Về con chung: Con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Ngọc D là nguyên đơn, anh Võ Văn T là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc D và anh Võ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy việc kết hôn của chị D và anh T đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay chị Phan Thị Ngọc D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh Võ Văn T. Anh Võ Văn T không có ý kiến gì về việc này. Căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Phan Thị Ngọc D với anh Võ Văn T.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Võ Kim K, sinh ngày 11-4-2005. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những tình tiết, nội dung của vụ án và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Không công nhận chị Phan Thị Ngọc D và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Võ Kim K, sinh ngày 11-4-2005. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Ngọc D và anh Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

Chị Phan Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phan Thị Ngọc D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005408

ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho chị Phan Thị Ngọc D và anh Võ Văn T biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Truông Mít;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tiến